

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam ngày 10/02/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 73/TTr-NNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng XN01, lô XN19, KCN Lai Cách, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Sản xuất thiếc dây, thiếc kem, chất trợ hàn cho ngành công nghiệp điện tử tại Nhà xưởng XN01, lô XN19, KCN Lai Cách, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Sản xuất thiếc dây, thiếc kem, chất trợ hàn cho ngành công nghiệp điện tử

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng XN01, lô XN19, KCN Lai Cách, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 0801407823, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/3/2024, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số Dự án 3270700242 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 27/9/2023, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/3/2024, lần thứ 2 ngày 09/10/2024 và điều chỉnh lần 3 ngày 17/01/2025

1.4. Mã số thuế: 0801407823.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thiếc hàn dạng dây, thiếc hàn dạng kem, sản xuất (phối trộn) chất trợ hàn và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định pháp luật Việt Nam.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích thực hiện dự án: 1.530,28m².
- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): nhóm C.
- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này.
 - + Công suất của dự án:
 - Sản xuất thiếc hàn dạng dây: 100-300 tấn/tháng;
 - Sản xuất thiếc hàn dạng kem: 100-300 tấn/tháng;
 - Sản xuất (phối trộn) chất trợ hàn: 6.000- 50.000 lít/tháng;
 - Doanh thu thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn: 30 triệu USD/năm.
 - + Quy trình công nghệ sản xuất:
 - Sản xuất thiếc hàn dạng dây: dây thiếc bán thành phẩm → Xả cuộn, kéo thẳng → Kéo dây (2 cấp bậc) → Quấn dây → Kiểm tra → Gói co nhiệt → Đóng gói.
 - Sản xuất thiếc hàn dạng kem: Nguyên, phụ liệu → Cân định lượng → Máy trộn → Kiểm tra → Đóng gói → Bảo quản lạnh → chờ xuất.
 - Sản xuất (phối trộn) chất trợ hàn: Nguyên, phụ liệu → Cân định lượng → Máy trộn → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho → chờ xuất.
 - Đối với việc phân phối buôn bán sản phẩm, thực hiện quyền xuất, nhập khẩu

sản phẩm: Nhập sản phẩm → Kho chứa → Phân phối, xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: đến ngày 19/7/2031, kể từ ngày ký.



Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, NNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách, không thải trực tiếp ra môi trường).

Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Đại Dương (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Lai Cách và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của nhà máy được thu gom qua bể tự hoại; sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách bằng HDPE kích thước DN160 dài 8m ra hố ga hệ thống thu gom nước thải KCN.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách.

- Số lượng và thể tích: 01 bể phốt 3 ngăn, thể tích 15 m³

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống làm mát và các hệ thống thoát nước.

- Định kỳ thuê hút bùn bể tự hoại để ngăn ngừa tình trạng tắc nghẽn bể tự hoại (3 năm hút 1 lần).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý sơ bộ toàn bộ nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Lai Cách; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Lai Cách theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp Lai Cách.

3.4. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển và xử lý bùn bể tự hoại.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, hơi dung môi từ công đoạn sản xuất chất trợ hàn

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi.

2.2. Vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả khí thải $X(m) = 2316007$; $Y(m) = 579159$
(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $1.400 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn 16h/24h.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối chất cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, $C_{\max}$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm^3	200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Sử dụng chụp hút với số lượng 02 cái sau đó dẫn vào tháp xử lý kích thước bằng hệ thống ống dẫn khí tôn mạ kẽm D200 dài 16m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ.

Khí thải từ các máy trộn → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp xử lý → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 1.400 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có)

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống thu gom xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục mới vận hành trở lại.

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị trục trặc, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra trục trặc thiết bị.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng thiết bị xử lý khí thải cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa trong 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sản xuất chất trợ hàn, công suất 1.400 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại ống thải của hệ thống xử lý, công suất 1.400 m³/h.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án cho UBND huyện Cẩm Giàng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường được cấp thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực trộn hàn thiếc dạng kem;
- Nguồn số 02: Khu vực trộn chất trợ hàn;
- Nguồn số 03: Khu vực sản xuất thiếc hàn dạng dây;

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ. Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025
của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	30	17 02 03
2	Than hoạt tính thải	Rắn	115,61	12 01 04
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12 19 06 05
Tổng			157,61	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	150	18 02 02	TT
2	Mực in, hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	25	08 02 06 08 02 08	TT
3	Bùn thải từ bể phốt	Bùn	600	-	TT
4	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	400	18 01 05	TT-R
5	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	322,5	18 01 06	TT-R
Tổng			1.497,5		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 3,43 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, máy móc thiết bị, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, vải lọc dầu.	Rắn	180	18 02 01
2	Cặn dầu thải, vật liệu lọc dầu	Rắn	140	18 02 01
3	Nguyên liệu rơi vãi	Rắn	500	-
4	Bao bì nhựa, vỏ can nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	2.303	18 01 03
5	Dây thiếc hỏng, đoạn dây thừa	Rắn	9.022,5	-
Tổng			12.145,5	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Khu vực lưu giữ trong nhà, khu lưu giữ bảo đảm sàn kín, không bị thấm thấu, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho. Khu vực được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ, bố trí vật liệu hoặc thiết bị để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

- Diện tích: 10 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu giữ trong nhà.

- Diện tích kho: 10 m².

2.3. Thiết bị, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công



nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty TNHH Dyfenco Material Việt Nam có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

